

Giá trị những vần thơ viết từ ngục Kon Tum

Lê Đắc Tường, Đinh Thị Thanh Thảo

Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum

Email: ledactuong@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/5/2023; Ngày sửa bài: 18/6/2023; Ngày duyệt đăng: 02/7/2023

Tóm tắt

Ngục Kon Tum được ví là địa ngục trần gian, nơi giam cầm những chiến sĩ cộng sản đầu tiên ở Tây Nguyên. Chính tại đây, trong áp bức tù đầy, những người tù cộng sản đã cất lên những vần thơ hào hùng, tiêu biểu là phong trào sáng tác Tao đàn ngục thất. Mặc dù chỉ trong thời gian ngắn, số lượng tác giả, tác phẩm không nhiều, nhưng những vần thơ được cất lên từ chốn lao tù mang giá trị nhiều mặt. Thể thơ đa dạng, ngôn ngữ mộc mạc, những vần thơ là lời tố cáo đanh thép trước tội ác của kẻ thù, thể hiện tinh thần yêu nước, tình đồng đội, bản lĩnh kiên cường và tinh thần lạc quan của người tù cộng sản. Bài viết bước đầu tìm hiểu, cảm nhận tiếng lòng của các chiến sĩ cách mạng, qua đó khẳng định giá trị, vị thế của những vần thơ viết từ ngục Kon Tum. Đồng thời, góp phần hoàn thiện thêm diện mạo cho dòng văn học được sáng tác trong lao tù của Việt Nam.

Từ khóa: *Ngục Kon Tum, Tao đàn ngục thất, Văn học trong lao tù.*

The value of poem written in Kon Tum prison

Le Duc Tuong, Dinh Thi Thanh Thao

Lien Viet Kon Tum Secondary School & High School

Correspondence: ledactuong@gmail.com

Received: 07/5/2023; Revised: 18/6/2023; Accepted: 02/7/2023

Abstract

Kon Tum Prison is considered hell on earth, where the first communist soldiers in the Central Highlands were imprisoned. Here, during the oppression of imprisonment, communist prisoners sang heroic poems, typically the Tao dan ngục thất (Tao Dan Prison) writing movement. Although it only took place for a short time and the number of authors and works was not many, the poems were sung from prison cells are valuable in diverse facets. With various poetic forms and simple language, the poems are sharp denunciations of the enemies' crimes, expressing the patriotism, comradeship, resilience, and optimism of communist prisoners. This article initially explores and understands the inner thoughts of revolutionary soldiers, thereby affirming the value and position of poems written from Kon Tum prison. Moreover, it contributes to perfecting the appearance of literature written in Vietnamese prisons.

Keywords: *Kon Tum Prison, Tao Dan Prison, Literature in prison.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chung của văn học cả nước, nền văn học viết Kon Tum ra đời muộn và khá khiêm tốn. Đến những năm

cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở Kon Tum, ngoài dòng văn học dân gian của các dân tộc đã manh nha xuất hiện một vài hoạt động viết báo chủ yếu mang tính sưu tầm,

chuyên khảo, tiêu biểu như: *Dân làng hồ* của Dourisbour (1929), *Rừng người thượng* của Henri Maitre (1912), *Lược khảo về Kon Tum* của T.D.N (1923), *Kontum tỉnh chí* của Võ Chuẩn (1933),... [1]. Những hoạt động văn nghệ này mang tính đơn lẻ chưa thể xem là sáng tác văn học càng không thể hình thành phong trào sáng tác có quy mô, có tổ chức.

Đến những năm 1930, ở Kon Tum mới có tập thơ *Thạch Xuyên thi tập* của Quản đạo Kon Tum Võ Chuẩn. *Thạch Xuyên thi tập* bao gồm khoảng 40 bài thơ được viết bằng chữ Quốc ngữ. Nội dung của *Thạch Xuyên thi tập* khá đa dạng thể hiện tâm tư, tình cảm, dấu tích cuộc đời của Võ Chuẩn. Các bài thơ trong *Thạch Xuyên thi tập* chủ yếu làm theo thể thất ngôn, có một vài bài theo thể ngũ ngôn và vẫn nằm trong lối thơ cũ (Lê Đắc Tường, 2021: 46).

Cũng trong khoảng thời gian này, từ ngục Kon Tum xuất hiện dòng thơ cách mạng thể hiện ý chí hùng anh của các chiến sĩ cộng sản bị giam cầm trong ngục thất. Những vần thơ cất lên từ ngục Kon Tum có giá trị trên nhiều phương diện về văn hóa, lịch sử, văn học. Về dòng thơ này, đến nay chỉ có những công trình nghiên cứu mang tính sơ tầm, giới thiệu. Tiêu biểu là ba công trình của Tạ Văn Sỹ: *Kon Tum thơ* (2012), *Di sản văn học từ ngục Kon Tum* (2017) và *Văn học viết Kon Tum 1930-1975* (2023). Trong “*Kon Tum thơ*”, Tạ Văn Sỹ giới thiệu chín bài thơ của chín tác giả sáng tác từ ngục Kon Tum. Trong “*Di sản văn học từ ngục Kon Tum*”, tác giả giới thiệu 18 tác giả và 32 tác phẩm. Đối với *Văn học viết Kon Tum 1930-1975*, tác giả đã khái quát sự ra đời của dòng văn học viết Kon Tum từ 1930 đến 1975 và giới thiệu khoảng 50 tác giả và tác phẩm với nhiều thể loại như thơ, ký, văn tế, truyện,... Nghiên

cứu về thơ ở Kon Tum giai đoạn trước Cách mạng Tháng Tám, nhất là những vần thơ viết từ ngục Kon Tum vẫn còn nhiều khoảng trống cần được lấp đầy bởi giá trị và vai trò to lớn của nó. Vì vậy, việc khảo cứu và cảm nhận những vần thơ ở ngục Kon Tum từ góc độ nội dung và nghệ thuật sẽ khẳng định được những giá trị to lớn và có ý nghĩa đối với nền văn học viết Kon Tum nói riêng và diện mạo dòng văn học trong lao tù của Việt Nam nói chung.

2. Tào đàn ngục thất và lực lượng sáng tác văn học ở ngục Kon Tum

Nhà ngục Kon Tum được Pháp xây dựng năm 1930 nằm ở phía bắc sông Đắk Bla thuộc địa phận tỉnh Kon Tum. Nhà ngục Kon Tum có hai phần, nhà lao tỉnh (còn gọi là lao trong), nhà lao chính trị phạm (còn gọi là lao ngoài) là nơi đầy ải, giam giữ chủ yếu là tù chính trị được đưa từ Nghệ An, Hà Tĩnh (297 người). Mặc dù nhà ngục Kon Tum chỉ tồn tại hơn ba năm (từ tháng 6/1930 đến cuối năm 1933) nhưng đây là nơi thể hiện sự độc ác điển hình của chế độ nhà tù do thực dân Pháp lập ra. Nói về sự tàn bạo của thực dân Pháp tại ngục Kon Tum, Lê Văn Hiến đã viết rất kỹ về chế độ ăn uống, làm việc... vô cùng hà khắc của các chính trị phạm. Riêng về cách đối đãi của cai tù, ông viết: “*Từ quan đến lính, chỉ chăm chăm vào sự đánh đập, hành hạ nhà phạm đến kỳ cùng: “Giết được chừng nào hay chừng ấy”*” (Lê Văn Hiến, 1938: 18). Từ “địa ngục trần gian này”, các “chính trị phạm” đã kiên trung đứng lên tố cáo, chống lại sự tàn ác của thực dân Pháp mà tiêu biểu là cuộc đấu tranh Lưu huyết vào cuối năm 1930.

Nhà ngục Kon Tum không chỉ là nơi giam cầm tàn độc nhất của Pháp mà còn là biểu tượng cho ý chí, nghị lực lòng quả cảm và tinh thần bất khuất, kiên trung của những chính trị phạm. Đây cũng đồng thời là

chứng nhân lịch sử ghi nhận sự đấu tranh kiên cường của các chiến sĩ cách mạng trong những ngày tháng bị giam cầm tại nhà lao này. Trong lao tù và từ cuộc đấu tranh Lưu huyết, bao nhiêu xương máu, mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu tinh lực, tâm huyết của chiến sĩ cộng sản đã thác vào những áng thơ văn để khởi nguồn dòng chảy của văn học cách mạng ở Kon Tum.

2.1. Tao đàn ngục thất - Bản tuyên ngôn của văn học sáng tác ở ngục Kon Tum

Sau thất bại của cao trào cách mạng Xô Viết-Nghệ Tĩnh, với chiêu bài lừa bịp đi “tự do sinh hoạt”, thực dân Pháp lần lượt đưa các đoàn tù chính trị ở nhà lao các tỉnh đồng bằng lên giam cầm ở ngục Kon Tum. Hồi đó, ngục Kon Tum nổi tiếng là lò giết người dã man của thực dân Pháp. Lợi dụng nơi rừng thiêng nước độc, hoang vu, Pháp đã giết dần, giết mòn những người cộng sản. Pháp áp dụng một chế độ cai trị cực kỳ dã man, tàn bạo với tù nhân trong công cuộc làm đường 14 đoạn Đắc Sút-Đắc Ven. Cuộc sống tòi tẻ, ốm đau, bệnh tật lại thường xuyên bị tra tấn bởi đòn roi, những trò giết người man rợ của bọn cai, đội, binh lính. Vì vậy, chỉ trong vòng 6 tháng từ 295 người chỉ còn lại khoảng 80 người, người sống sót chỉ còn da bọc xương, bệnh tật đầy người (Bảo tàng-Thư viện tỉnh Kon Tum, 2019: 20).

Tại đây, ngày 12/12/1931 đã nổ ra cuộc đấu tranh Lưu huyết của anh em tù chính trị phản đối việc bắt tù nhân đi làm con đường xâm lược lần thứ 2. Cuộc đấu tranh anh dũng đó đã truyền thêm sức mạnh cho những người tù cộng sản. Và rồi, tháng 6/1932 sau 6 tháng đi làm đường ở Đắc Pek anh em chính trị phạm đã sáng tạo ra hình thức sinh hoạt văn nghệ lấy tên *Tao đàn ngục thất*. *Tao đàn ngục thất* được thành lập đánh dấu sự ra đời của dòng văn học viết đầu tiên tại Kon Tum (Tạ Văn Sỹ, 2017: 30).

Tổ chức *Tao đàn ngục thất* không phải là việc làm tự phát của một nhóm người mà nó có ý thức, có tổ chức, có mục đích, tôn chỉ cụ thể. Sinh hoạt *Tao đàn ngục thất* được tổ chức thường xuyên trong một thời gian dài, mỗi tuần một đề tài có bình chọn và trao giải (cho dù giải thưởng chỉ là một thứ quả bánh ăn vặt hay vài ba quả chuối) nhưng phong trào này đã thể hiện rõ quan điểm, lập trường của tổ chức văn nghệ này là: Khẳng định giá trị của văn học nghệ thuật; Bảo tồn truyền thống văn hóa, văn học của dân tộc; Nêu cao lòng căm thù quân giặc; Cổ vũ, động viên tinh thần của đồng chí, đồng đội; Kêu gọi mọi người cùng gia nhập tổ chức để đoàn kết, vững chí trên con đường đấu tranh.

Tôn chỉ của *Tao đàn ngục thất* cũng chính là mục đích sáng tác của văn học ở ngục Kon Tum. Bài thơ *Vào hội Tao đàn* của Hồ Văn Ninh (1932) chính là sự mở đầu cũng là tuyên ngôn cho dòng văn học ở ngục Kon Tum:

*Chơi thú gì trong cảnh ngục lao,
Chỉ nghề thơ phú mới thanh tao.
Trước thì ôn luyện nền văn nghệ,
Sau để nấu nung chí hận thù.
Vật chất trăm bề đều bó buộc,
Tinh thần mọi vẻ phải dòi trau.
Hỡi ai thức giả xin lưu ý,
Vào Hội Tao Đàn dạy dỗ nhau! [2]*

Bài thơ với lời thơ mộc mạc mà đanh thép, hùng hồn, thể thơ thất ngôn bát cú quen thuộc, tác giả đã khái quát được mục đích tinh thần cao đẹp của phong trào sáng tác văn học này. Cho dù sống trong cảnh đọa lạc chịu cảnh tra tấn dã man biết bao người đã ngã xuống trên “Con đường xương máu” nhưng những chính trị phạm này luôn giữ một niềm tin, một quyết tâm “*Tinh thần mọi vẻ phải dòi trau*”. Đối mặt với sự tàn ác của kẻ thù, sự khắc nghiệt của thời tiết

chính là nỗi thống khổ của anh em chính trị phạm và cũng có lẽ trong lúc đó, thơ ca đã trở thành một phương thuốc tinh thần quý giá để họ cùng động viên, cổ vũ tinh thần cho nhau. Bài thơ được xem là tuyên ngôn của *Tao đàn ngục thất* và cũng là mục đích, ý nghĩa và quan điểm dòng văn học ở ngục Kon Tum.

Đến cuối năm 1933 trước sự công kích mạnh mẽ của dư luận, Pháp phải dừng việc đưa tù chính trị lên ngục Kon Tum và chuyển số tù chính trị còn lại ở đây sang các nhà lao khác. Từ đây, *Tao đàn ngục thất* chính thức kết thúc sứ mệnh của mình; tuy vậy, giá trị, linh hồn của *Tao đàn ngục thất* vẫn còn vang vọng mãi.

2.2. Lực lượng sáng tác

Năm 1930, Pháp đưa các đoàn tù chính trị từ các nhà lao của các tỉnh đồng bằng lên giam cầm ở ngục Kon Tum. Đây là những chiến sĩ kiên trung, quả cảm, có tình yêu nước, có lý tưởng cách mạng. Hơn nữa, họ còn là những người có khả năng sáng tác văn học, hiểu rõ giá trị đấu tranh từ văn học. Ngục Kon Tum không chỉ là nơi giam giữ, tra tấn dã man những tù chính trị mà nơi còn còn khơi nguồn cảm hứng cho rất nhiều nhà thơ, nhà văn - tù nhân.

Theo Tạ Văn Sỹ (2017), lực lượng sáng tác văn học từ ngục Kon Tum khoảng 18 người với 31 bài thơ và một bài vè. Trong đó chín tác giả đã được xác định gồm: Võ Trọng Bành, Tôn Gia Chung, Hồ Đức Em, Trần Lê Hương, Hồ Tùng Mậu, Lê Văn Mỹ, Hồ Văn Ninh, Đặng Thái Thuyền, Trịnh Quang Xuân; ba tác giả còn tồn nghi là Đồng Sỹ Bình, Nguyễn Huy Lung, Lê Viết Lượng và một tác giả khuyết danh. Ngoài ra còn có năm tác giả có liên quan đến ngục Kon Tum là Nguyễn Thị Du, Hồ Mậu Đồn, Ngô Đình Sáu, Trần Hữu Chương, khuyết danh.

Mặc dù thời gian sáng tác không dài, số

lượng chưa được nhiều song đã hình thành một đội ngũ sáng tác khá đa dạng, hình thành nên dòng văn học rất có giá trị - khởi nguồn cho diện mạo văn học viết ở Kon Tum.

3. Nội dung và nghệ thuật của những văn thơ sáng tác ở ngục Kon Tum

3.1. Nội dung

Những sáng tác văn học ở ngục Kon Tum khá đa dạng, phong phú, tựu trung lại bao gồm những nội dung: phản ánh nỗi thống khổ của chính trị phạm trong lao tù và những ngày đi làm đường; tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong việc tra tấn và cưỡng bức đi mở đường; ngợi ca những liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc đấu tranh Lưu huyết lịch sử; tinh thần lạc quan, ý chí chiến đấu và sự hy sinh anh dũng và của các chiến sĩ để từ đó khái quát lên lý tưởng cách mạng, giải phóng dân tộc; tình đồng chí, đồng đội...

Bàng bạc trong các sáng tác ở ngục Kon Tum là nỗi thống khổ vô cùng của người tù chính trị với các tác phẩm tiêu biểu như *Văn truy điệu trên 200 tù chính trị bỏ xác trên đường 14 lần thứ nhất (mùa khô 1930-1931)* của Đặng Thái Thuyền; *Cảm vịnh ngục Kon Tum* của Hồ Văn Ninh; *Về nhà ngục Kon Tum* của Lê Văn Mỹ... Trong số những sáng tác của các chính trị phạm có lẽ đặc biệt nhất là bài văn tế của Đặng Thái Thuyền. Bài điệu văn này được đọc trong lễ truy điệu hơn 200 chiến sĩ đã bỏ mình trong công cuộc làm đường của thực dân Pháp chỉ trong 6 tháng. Những hình ảnh ảm đạm, thê lương gợi về những kiếp người chỉ sau sáu tháng sống dưới những cơn mưa roi của kẻ thù đã mãi mãi không còn. Thê văn biền ngẫu, âm hưởng bi thương, giọng điệu lâm ly, thống thiết, mỗi lời văn trong *Văn truy điệu* của Đặng Thái Thuyền (1931) như một vết cứa vào nỗi đau của những người trong cuộc mãi tới hôm nay nó vẫn để lại trong lòng chúng ta niềm xúc động mạnh mẽ:

Ôi, thôi thôi!

*Cây tàn lá đổ, cuộc thảm khóc sưng,
gió dập mưa dồn, ve sầu gọi nguyệt.*

*Ngoảnh mặt lại: mấy mồ lưu lạc, một
vùng cỏ ấy, nước non rầu rĩ khóc hồn oan
Đau lòng thay: những kẻ điêu linh, nửa
năm đất vàng, cây cỏ ngậm ngùi thân
tử biệt.*

*Truyện thiên cổ hỏi các hàng hào kiệt
mấy ai mà hài cốt ở quê hương?*

*Cuộc bách niên thương mấy bậc công
khanh lấp đất cũng thảo vu cùng tuế
nguyệt. [3]*

Cùng chung mạch nội dung ấy nhưng ta lại bắt gặp một sự tường thuật tỉ mỉ đến từng tiểu tiết cho thấy một thái độ bất bình, căm phẫn với những nỗi thống khổ mà thực dân Pháp gây ra qua nhịp thơ nhanh, dồn dập của Lê Văn Mỹ (1933) trong bài *Về nhà ngục Kon Tum*. Bài về dài 585 dòng đã phản ánh cảnh “địa ngục trần gian” những ngày bị cưỡng bức đi mở đường 14:

Quân đế quốc thẳng tay

Dùng tàu bay, tạc đạn

Bom gieo, súng bắn

Chết hàng vạn hàng ngàn

Cướp của cải bạc tiền

Lại tịch biên gia sản

Hàng nghìn chính trị phạm

Nào lớp lớp bắt giam

Lớp phát vãng Kon Tum

Lớp đầy Buôn Mê Thuật

Mồng tám tháng mười một

Năm Canh Ngọ vừa rồi

Anh em trăm rưởi người

Đầy lên nơi tỉnh Mọi

Vai mang tay trói

Ra vừa khỏi tỉnh nhà

Lặn lội mấy sơn hà

Vừa đến phà Côn Trầu

Nói ra càng ngơ ngẩn

Và thêm giận căm gan

Vừa khỏi bến phà ngang

Thấy một đoàn lính Mọi

Kìa thầy cai xông tới

Nọ ông đội sơn son

Thấy tình cảnh mà buồn

Khác gì con cú rữ... [4]

Bài về với ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, cách gieo vần theo làn điệu ví dặm Nghệ Tĩnh. Hiện thực khốc liệt những ngày bị lao tù theo mạch cảm xúc trào dâng, không chỉ bị tra tấn bằng đòn roi bị đày đọa lao động khổ sai mà nỗi khổ trăm bề vì đói rét, gông cùm bị vợ vệt đến những đồng tiền cuối cùng. Kết luận về tội ác của thực dân, Lê Văn Mỹ (1933) đã khẳng định:

Thật là con rắn lục

Cái nọc độc vô chừng

Cay như khi ăn gừng

Nói ra thêm khổ nhục. [5]

Trong những sáng tác tại ngục Kon Tum có không ít bài ngợi ca những liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc đấu tranh Lưu huyết 12/12/1931 tại ngục Kon Tum. Nhân việc đáp phần mộ của các liệt sĩ, *Tao đàn ngục thất* đã tổ chức Hội thi với chủ đề *Viếng mộ liệt sĩ*. Trong Hội thi có ba tác giả gồm Trịnh Quang Xuân, Hồ Tùng Mậu và Võ Trọng Bành với ba bài thơ được bình chọn xuất sắc. Trịnh Quang Xuân ca ngợi lễ sống chết của các anh hùng liệt sĩ hy sinh vì nước qua bài *Viếng mộ liệt sĩ*. Bài thơ là sự cảm khái ngợi ca nghĩa khí của các đồng chí, đồng đội nhân lúc tu bổ phần mộ tám liệt sĩ đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh Lưu huyết:

Tám năm một gò cỏ phủ xanh,

Chết vì chính nghĩa chẳng vì danh.

Tường rêu khó phủ lòng cương quyết,

Nắm đất khôn che dạ nhiệt thành.

Bè bạn trông qua gan ruột tím,

Địch thù nhớ lại mặt thời xanh.

Trước sau cũng thác, thà như thế,

Mới gọi là người biết tử sinh. [6]

Cùng viết về một đề tài cùng sử dụng chung một thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật nhưng kết cấu bài thơ của Hồ Tùng Mậu lại đặc biệt không kém. Mở đầu là một câu khẳng định gọi nhắc sự kiện tám liệt sĩ hy sinh trong trận đấu tranh Lưu huyết và kết thúc vẫn vang vọng một câu hỏi tu từ vừa là lời tự răn mình, vừa như một lời nhắc nhở cho biết bao thế hệ:

*Tám mô chiến sĩ táng cùng nhau,
Nấm mới vun thêm, giậu mới rào.
Thế phách dẫu vui miền cát trắng,
Tinh thần còn tỏ giữa trời cao.
Khí xông mắt vía phường cai trị,
Máu đổ kinh hồn bọn sếp lao.
Sớm tới đi về lòng thốn thức,
Thấy người nằm đó, nghĩ mình sao? [7]*

Võ Trọng Bành, cũng trên tinh thần chung là ca ngợi những liệt sĩ đã hy sinh anh dũng, đã dùng những lời thơ tha thiết biến nỗi đau đầy trở thành nỗi đau của cả dân tộc cả thiên nhiên, cả đất trời. Bài thơ của Võ Trọng Bành kết thúc bằng một niềm tin bất diệt vào tương lai của cách mạng. Chính nhờ những niềm tin ấy mà *Tao đàn ngục thất* trở thành nhóm sáng tác văn học cổ vũ tinh thần cách mạng cho các chiến sĩ ta lúc bấy giờ:

*Bãi cỏ xanh xanh giữa bức tường,
Ấy mô liệt sĩ giải phong sương.
Chết vì đoàn thể hồn trung nghĩa,
Liều với phong ba kiếp đoạn trường.
Cây cỏ phát phơ cờ chiến sĩ,
Nước non chan chứa lệ tang thương.
Nghìn năm danh tiết ghi tân sử,
Cách mạng tiền đồ rạng nét gương. [8]*

Bên cạnh ngợi ca anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập dân tộc, nhiều áng thơ văn tập trung tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong việc tra tấn chính trị phạm những ngày bị tù đầy và bắt đi mở đường. Cả lao trong và lao ngoài đều được xây dựng so

sai, tạm bợ, trống trải nhằm thuận lợi cho việc canh giữ tù nhân chứ không quan tâm gì đến đời sống sinh hoạt của chính trị phạm. Kon Tum còn là nơi có khí hậu khắc nghiệt cùng với những đòn roi tra tấn, những trò giết người man rợ của kẻ thù đã nhanh chóng biến con đường mà các chính trị phạm đi khai mở trở thành con đường chết. Trần Lê Hương đã tái hiện lại chân thật những ngày tháng ấy trong bài thơ *Cái chết Kon Tum*:

*Cái chết Kon Tum nghĩ gớm đời,
Chỉ trong mấy tháng, hồi trời ơi!
Ba trăm tù sót còn năm chục,
Một loạt đầu rơi chóc tám người.
Cây héo rừng thiêng, gan thảm cháy,
Suối tuôn nước độc, máu hờn sôi.
Than ôi, cái chết người lao khổ,
Nhất thiết thù kia quyết trả rồi. [9]*

Để mở được con đường xâm lược cho thực dân Pháp, bao nhiêu mạng người đã mãi mãi nằm lại nơi hoang vu, hẻo lánh. Đó không chỉ là nỗi đau cho những thân nhân người đã khuất mà đã trở thành nỗi uất hờn của cả dân tộc. Hồ Văn Ninh, với bài thơ *Cảm vịnh ngục Kon Tum*, không chỉ vạch trần tội ác tày trời của giặc mà còn bày tỏ nỗi xót xa uất hận trước sự hy sinh của đồng chí, đồng đội:

*... Năm một nghìn chín trăm ba mốt,
Bắt đầy lên vừa ngót ba trăm.
Đọa đầy trong khoảng nửa năm,
Đã hơn phân nửa xương nằm sườn non.
Tội binh lính miệng đồn tay đánh,
Bọn đồn quan thẳng cánh dầy vò.
Chém cha những lũ hung đồ,
Ra tay tàn sát, tự do hoành hành.
Nó đập đánh tan tành xương thịt,
Giữa sang-chê (phòng giam) xem hệt
sa trường.
Đầu rơi máu xối ngổ ngang,
Dầu cho dạ sắt gan vàng cũng kinh. [10]*

Trong hoàn cảnh bị giam cầm lại bị đày đoạ, tra tấn cùng với hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, tinh thần lạc quan của người chiến sĩ vẫn ngời sáng qua những trang thơ. Đọc những dòng thơ của Hồ Đức Em, Hồ Tùng Mậu, Hồ Văn Ninh, Lê Văn Hiến ta bắt gặp một niềm lạc quan cách mạng, một tinh thần đấu tranh bền bỉ của các chính trị phạm. Tinh thần thép ấy chưa hề mất đi dù cường quyền bạo ngược. Trong cảnh địa ngục trần gian của tù đày, các chiến sĩ vẫn mang tinh thần lạc quan đáng khâm phục, khi tự ví người tù như hàng vương giả được cung phụng hàng ngày:

*Long đây nào phải một cung phi,
Mà quá khiêm tôn với nể vì!
Cơm ngày hai bận dâng lên tiến,
Nước buổi đôi ly soạn kịp thì.
Bận đến thân anh tôi chẳng muốn,
Phiền vì phận tớ, chẳng vân vi.
Cha đòi chức tước! thôi thì chớ...
Hoán kiếp sao như...kiếp nô tì! [11]*

Chính niềm lạc quan đã tiếp thêm động lực trong cuộc đấu tranh với kẻ thù. Tinh thần lạc quan ấy là tinh thần cách mạng, là sự tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của chính nghĩa:

*Cái nợ non sông trót hẹn hò,
Đường đời bao quản bước quanh co.
Tuy không bằng kẻ phong da ngựa,
Song cũng hơn phường vác mặt mo.
Cách mạng đã gieo thì kết quả,
Cường quyền không đốt cũng ra tro.
Anh hùng khôn luận nơi thành bại,
Thà chết còn hơn mất tự do. [12]*

Bài thơ *Cảm vịnh ngục Kon Tum* của Hồ Văn Ninh dài 166 câu, mô tả sinh động tinh thần và khí thế oanh liệt của hai cuộc đấu tranh Lưu huyết và đấu tranh tuyệt thực của những người tù chính trị vào năm 1931. Trong cuộc đấu tranh sinh tử ấy, tinh thần lạc quan cách mạng thể hiện sâu sắc khi

tác giả luận về cái chết của các chiến sĩ cách mạng:

*Chết vì nghĩa, ấy là được chết,
Sống mà cam đê liệt hay sao?
Chết này rạng mặt anh hào,
Ngàn thu tô vết máu đào công nông [13]*

Ngục thất Tao đàn là phong trào văn học hình thành trong lòng nhà lao, các chiến sĩ cách mạng dùng thơ ca để tố cáo tội ác dã man của thực dân qua đó động viên tinh thần chiến đấu của đồng đội. Những vần thơ vừa phản ánh cảnh tù đày, vừa thể hiện thái độ hờn căm mất nước, vừa thể hiện tinh thần bất khuất và ước vọng về một thế giới hòa bình:

*Chân cùm, tay xích, cổ mang gông,
Lụy tiết vì đâu phải chịu vòng.
Bởi giận thực dân giành đất nước,
Bởi hờn phong kiến bán non sông.
Bởi mong một giống người bình đẳng,
Bởi muốn năm châu cảnh đại đồng.
Bởi thế nên nay đành chịu khổ,
Để rồi chung sống cả non sông. [14]*

Bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường dưới đây như thay lời động viên, khích lệ những đồng chí, đồng đội quyết tâm đấu tranh trước kẻ thù:

*Chào anh em hỡi, chị em ơi,
Kẻ ở người đi, phó mặc đời.
Xe ngựa cũng phường ba tác đất,
Cùm gông mà chỉ bốn phương trời.
Giận phường thống trị-cười vài tiếng,
Thề với nhân dân-thét một lời.
Dù có thác đi, đành phận vậy,
Hể còn sống lại-cóc bới vôi. [15]*

Bài thơ như tuyên ngôn về lẽ sống; còn sống là còn tranh đấu; cho dù gông cùm, xiềng xích cũng không trói được tâm hồn, ý chí tung hoành bốn bề; cho dù hy sinh tính mạng vẫn không hề nao núng tinh thần. Đó cũng là phương châm sống chung của tất cả những chính trị phạm từng bị giam ở nhà

ngục Kon Tum. Chính từ lòng dũng cảm, kiên trung, sự lạc quan tin tưởng vào tương lai mà phong trào sáng tác trong tù đã có tiếng nói chung từ những trái tim nhiệt huyết vì đất nước.

Nhận xét về phong trào sáng tác từ ngục Kon Tum, Tạ Văn Sỹ cho rằng: “*Đây là buổi bình minh thơ ca Kon Tum... một thời kỳ mà mỗi dòng chữ dường như đều được viết ra từ trong máu và nước mắt, từ trong đau đau nỗi đau đời, từ trong đòn roi tàn bạo của thời thế, từ trong muôn nỗi truân chuyên của kiếp người*” (Tạ Văn Sỹ, 2012: 17). Nhận xét này đã bao hàm nội dung, ý nghĩa và qua đó đã phần nào lý giải được sự giản đơn về thể loại và ngôn từ của dòng văn học trong lao tù Kon Tum.

3.2. Nghệ thuật

Cùng với thời gian, nền văn học tỉnh Kon Tum đã có nhiều đổi mới cả nội dung lẫn nghệ thuật. Tuy vậy, giá trị của những tác phẩm văn học viết đầu tiên mãi mãi được bảo tồn và là miền đất còn nhiều sức hấp dẫn để nghiên cứu, khám phá.

Dù trong muôn vàn khổ cực của lao tù và đầy ải, những tiếng lòng vẫn cất lên hùng hồn, đanh thép và không thiếu sự lấp lánh của văn chương. Tiếng nói văn chương cất lên từ địa ngục trần gian nhưng bừng sáng trong vườn hoa nghệ thuật. Những sáng tác từ ngục Kon Tum khá phong phú về thể loại, gồm: thơ, vè, trường ca, văn tế, văn truy điệu... Tất cả đã làm nên một diện mạo đa sắc, đa thanh cho sự khởi đầu của văn học viết Kon Tum.

Trong sự đa dạng ấy, thơ vẫn là chủ đạo với nhiều loại thể như: thất ngôn bát cú Đường luật, thơ trường thiên, văn biền ngẫu, thơ tự do,... Nhìn chung, ngôn ngữ của thơ ca từ ngục Kon Tum giản dị, mộc mạc dù sự điêu luyện và giá trị nghệ thuật chưa cao nhưng đã đóng góp lớn trong việc

làm nên diện mạo của dòng văn học viết đầu tiên ở mảnh đất này. Thất ngôn bát cú là thể loại được sử dụng khá nhiều trong phong trào sáng tác này, hầu hết các bài thơ tuân thủ chặt chẽ về thi luật như gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh, đối... Đơn cử như bài *Viếng mộ liệt sĩ của Hồ Tùng Mậu*:

*Tám mô chiến sĩ táng cùng nhau,
Nắm mới vun thêm, giậu mới rào.
Thế phách dẫu vùi miền cát trắng,
Tinh thần còn tỏ giữa trời cao.
Khí xông mát vía phượng cai trị,
Máu đổ kinh hồn bọn sếp lao.
Sớm tới đi về lòng thốn thức,
Thấy người nằm đó, nghĩ mình sao? [16]*

Văn tế, văn truy điệu có giá trị cả lịch sử lẫn văn học. Trung thành với kết cấu của một bài văn tế truyền thống lung khởi-thích thực-ai văn-kết, giọng văn thống thiết, bi ai nhưng nổi bật tinh thần quả cảm, lòng yêu nước mãnh liệt, lên án tội ác man rợ, độc ác của thực dân Pháp. Bài văn tế 200 bạn tù của Đặng Thái Thuyền mang đặc điểm riêng khi tái hiện lại hoàn cảnh cụ thể của những bạn tù chết thảm trong khi đi làm đường 14:

*Nhớ anh em xưa:
Sinh đất Hồng Lam-Vốn giòng Âu Việt,
Tư trời hun đúc chí hi sinh-Nét đất sẵn sàng lòng cảm quyết.*

*Tức tới nhê! Mấy ngàn năm nước cũ,
mất chữ tự do, mất quyền sinh hoạt, đoái non sông thêm bận dạ anh hào - Xót xa thay! Năm sáu giống loài người, chịu bề áp bức, chịu nổi bất bình, thấy nòi giống vẫn căn gan tuấn kiệt. [17]*

Về thể thơ, những văn thơ từ ngục Kon Tum chủ yếu vẫn theo thể thơ Đường luật, chỉ có khoảng năm bài được viết theo thể tự do, mang hơi hướng của thơ mới. Tiêu biểu là các bài *Cảm vịnh ngục Kon Tum* của Hồ Văn Ninh, *Tiến Nguyễn Đức Mậu đi Kon*

Tum của Hồ Mậu Đồn, *Giữ trọn lời thề* của Nguyễn Thị Du... Ngoài ra còn một số bài theo thể lục bát khá xúc động:

*Buồn lòng cất bước ra đi,
Bâng khuâng chốn cũ, nghĩ gì đường xa.
Nỗi lòng ta biết với ta,
Giã người xương trắng - xưa là đầu
xanh.* [18]

Tiếng lòng của các tù chính trị với ngôn từ giản dị, mộc mạc ít có sự trau chuốt gọt giũa, mạch thơ chính là mạch cảm xúc chân thật của người viết đã khiến mỗi tác phẩm tăng thêm sức lôi cuốn và gần gũi. Sau Cách mạng tháng tám, văn học viết Kon Tum đã mang một diện mạo mới song giá trị nghệ thuật của những tác phẩm buổi bình minh của văn học viết thì vẫn mãi được bảo tồn và phát triển.

4. Kết luận

Trong gian khổ tốt cùng của ngục tù, các chiến sĩ cộng sản vẫn cất lên tiếng nói hào sảng. Từ đây đã hình thành *Tao đàn ngục thất*, nơi khơi nguồn dòng văn học viết ở Kon Tum. Thơ của các chiến sĩ cộng sản viết từ ngục Kon Tum khá đa dạng về thể, ngôn ngữ bình dị nhưng đó là tiếng nói đánh thép, hào hùng, thể hiện sự căm phẫn, bất bình đối với tội ác của kẻ thù. Quan trọng hơn đó chính là tiếng lòng thể hiện tình yêu đất nước vô bờ và tinh thần lạc quan, tin tưởng vào cách mạng và tương lai của dân tộc Việt Nam.

Mặc dù thời gian, lực lượng sáng tác, số lượng tác phẩm còn khiêm tốn nhưng giá trị về nội dung và nghệ thuật của những vần thơ từ ngục Kon Tum rất trân quý và đáng tự hào. Những vần thơ từ ngục Kon Tum đã lưu giữ những mạch nguồn của cảm xúc, làm nền tảng cho nền văn học hiện đại Kon Tum hình thành phát triển. Từ ngục Kon Tum, không chỉ có thơ mà còn khá nhiều thể loại khác, đặc biệt là ký. Bài viết bước

đầu cảm nhận về những vần thơ với mong muốn khẳng định giá trị và góp phần làm phong phú diện mạo dòng thơ trong tù của nền văn học Việt Nam. Hy vọng, từ đây sẽ mở ra những hướng nghiên cứu chuyên sâu đối với dòng văn học còn nhiều điều hấp dẫn của “*miền đất huyền ảo*” (Dambo, 2003: 4) này.

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Chú thích

- [1] Tạ Văn Sỹ (2017). *Di sản Văn học từ ngục Kon Tum*. Kon Tum: Sở VH TT và DL tỉnh Kon Tum, 29.
- [2] Hồ Văn Ninh (1932). Vào hội Tao Đàn. In trong Tạ Văn Sỹ (2017), *Di sản Văn học từ ngục Kon Tum*. Kon Tum: Sở VH TT và DL tỉnh Kon Tum, 76.
- [3] Đặng Thái Thuyền (1931). Văn truy điệu. Sdd, 91.
- [4] [5] Lê Văn Mỹ (1933). Về nhà ngục Kon Tum. Sdd, 72.
- [6] Trịnh Quang Xuân (1932). Viếng mộ liệt sĩ. Sdd, 92.
- [7] [16] Hồ Tùng Mậu (1932). Viếng mộ liệt sĩ. Sdd, 50.
- [8] Võ Trọng Bành (1932). Viếng mộ liệt sĩ. Sdd, 40.
- [9] Trần Lê Hương (1931). Cái chết Kon Tum. Sdd, 45.
- [10] [13] Hồ Văn Ninh (1932). Cảm vịnh ngục Kon Tum. Sdd, 77.
- [11] Hồ Đức Em (1931). Cảm tác. Sdd, 44.
- [12] Hồ Tùng Mậu (1932). Tin tưởng. Sdd, 51.
- [14] Trần Lê Hương (1931). Bởi đâu bị tù?. Sdd, 45.
- [15] Ngô Đình Sáu (1931). Thề với nhân dân. Sdd, 113.
- [17] Đặng Thái Thuyền (1931). Văn truy

điều. Sdd, 88.

[18] Trịnh Quang Xuân (1933). *Giã mộ liệt sĩ*. Sdd, 93.

Tài liệu tham khảo

Dambo (2003). *Miền đất huyền ảo*. Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.

Lê Đắc Tường (2021). Kontum kỳ thú và bí ẩn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX qua Kontum tỉnh chí và Thạch Xuyên thi tập của Võ Chuẩn. Kỷ yếu *Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ V*, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 293-302.

Lê Văn Hiến (1938). *Ngục Kon Tum*. Tourane: Nxb Nguyễn Sơn Trà.

Sở Thể thao và Du lịch Kon Tum, Bảo tàng - Thư viện tỉnh (2019). *Nhà lao Kon Tum (1915-1935)*. Kon Tum: Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum.

Tạ Văn Sỹ (2012). *Kon Tum Thơ*. Hà Nội: Nxb Văn học.

Tạ Văn Sỹ (2017). *Di sản Văn học từ ngục Kon Tum*. Kon Tum: Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum.

Tạ Văn Sỹ (2023). *Văn học viết Kon Tum 1930-1975*. Hà Nội: Nxb Lao động.